

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 21/08/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân, Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuận - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2025/TTST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2025/QĐST-DS, ngày 01 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1959. Địa chỉ: số 15 đường Lý Tự Trọng, khóm 2, phường ML, thành phố LX, (nay là phường LX), tỉnh AG.

Địa chỉ liên hệ: số 39 THĐ, phường MQ, thành phố LX, (nay là phường LX), tỉnh AG; Lock B 2 - Tầng 15.4 - Chung Cư Giai V số 854 đường TQB, phường 5, quận 8, (nay là phường CH), thành phố HCM (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phụng L, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 486/39 hẻm THĐ, khóm TH, phường MT, thành phố LX, (nay là phường MT), tỉnh AG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà Trương Thị Kim A trình bày:

Do quen biết bà Nguyễn Thị Phụng L nên cho vay tiền nhiều lần, theo hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC – Chi nhánh AG, cụ thể: Ngày 25/10/2022 chuyển 200.000.000đ; ngày 02/11/2022 chuyển 200.000.000đ; ngày 27/11/2023 chuyển 200.000.000đ; ngày 11/12/2023 chuyển 100.000.000đ. Tổng 04 lần chuyển 700.000.000đ; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian hoàn trả tiền, về tiền lãi bà L đã trả 93.000.000đ. Bà

A nhiều lần liên hệ bà L nhưng né tránh. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền 700.000.000đ, tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2024, mặc dù các lần cho vay khác nhau.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết, bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Bà A yêu cầu xét xử vắng mặt; bà L vắng mặt

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà L trả tiền vốn và lãi theo quy định pháp luật. Về án phí các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị phượng L vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bà A yêu cầu bà L trả số tiền vốn, lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường MT, thành phố LX, (nay là phường MT), tỉnh AG. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà A căn cứ Bảng kê giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC-Chi nhánh AG (BL 37-44) thể hiện bà A chuyển tiền cho bà L, được xác định là bà Nguyễn Thị phượng L, sinh năm 1976, địa chỉ số: 486/39 hẻm THĐ, khóm TH, phường MT, thành phố LX, (nay là phường MT), tỉnh AG.

Bà A chuyển lần thứ nhất vào ngày 25/10/2022 số tiền 200.000.000đ, lần 2: ngày 02/11/2022 chuyển 200.000.000đ, lần 3 ngày 27/11/2023 chuyển 200.000.000đ, lần 4 ngày 11/12/2023 chuyển 100.000.000đ, lãi suất bà A xác định theo thỏa thuận là 3%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền vốn.

Xét, Bảng kê giao dịch (BL 37-44), bà A chuyển tổng số tiền 700.000.000đ cho bà L, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi suất. Do đó, có căn cứ xác định các bên thỏa thuận vay tiền trên tinh thần tự nguyện, phù hợp quy định Điều 463, 466, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật

Dân sự năm 2015. Từ ngày vay đến nay bà L chưa trả tiền vốn, lãi nên có căn cứ xem xét, giải quyết buộc bà L phải trả số tiền vốn, lãi là phù hợp.

[4] Về tiền vốn, lãi được tính cụ thể như sau: Bà A yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với tổng số tiền vốn 700.000.000đ, được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, do đó mức lãi suất áp dụng là 10%/năm (0,83%/tháng) thời gian tính các lần vay cho đến ngày xét xử 21/08/2025 lần lượt cụ thể như sau:

- Tiền vay 200.000.000đ vay vào ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 (14 tháng 6 ngày), lãi suất 0,83%/tháng. Thành tiền 23.572.000đ ($200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng } 06 \text{ ngày}$).

- Tiền vay 200.000.000đ vay vào ngày 02/11/2022 đến ngày 31/12/2023 (13 tháng 29 ngày), lãi suất 0,83%/tháng. Thành tiền 23.190.000đ ($200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 13 \text{ tháng } 29 \text{ ngày}$).

- Tiền vay 200.000.000đ vay vào ngày 27/11/2023 đến ngày 31/12/2023 (01 tháng 10 ngày), lãi suất 0,83%/tháng. Thành tiền 1.876.000đ ($200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 1 \text{ tháng } 10 \text{ ngày}$).

- Tiền vay 100.000.000đ vay vào ngày 11/12/2023 đến ngày 31/12/2023 (20 ngày), lãi suất 0,83%/tháng. Thành tiền 556.000đ ($200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 20 \text{ ngày}$).

Tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật: 49.194.000đ. Bà A đã nhận tổng tiền lãi của bà L 93.000.000đ. Số tiền lãi nhận cao hơn so quy định pháp luật, nên cần thiết khấu trừ lại vào tiền vốn với số tiền 43.806.000đ. Do đó, số tiền vốn còn lại 656.194.000đ ($700.000.000đ - 43.806.000đ$).

Do đó, số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến 21/08/2025, mức lãi suất 0,83%/tháng. Thành tiền: 107.113.000đ ($656.194.000đ \times 0,83\% \times 19 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}$).

[5] Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ buộc bà L trả cho bà A số tiền 763.307.000đ. Trong đó, tiền vốn 656.194.000đ, tiền lãi 107.113.000đ.

[7] Về án phí: Bà A là người cao tuổi, được miễn án phí; bà L nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 179, 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; 233, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị Phương Loan.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phương L trả cho bà Trương Thị Kim A số tiền vốn, lãi: 763.307.000đ. Trong đó, tiền vốn 656.194.000đ, tiền lãi 107.113.000đ.

+ Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Phương L nộp số tiền 34.532.280đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV9-AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương

